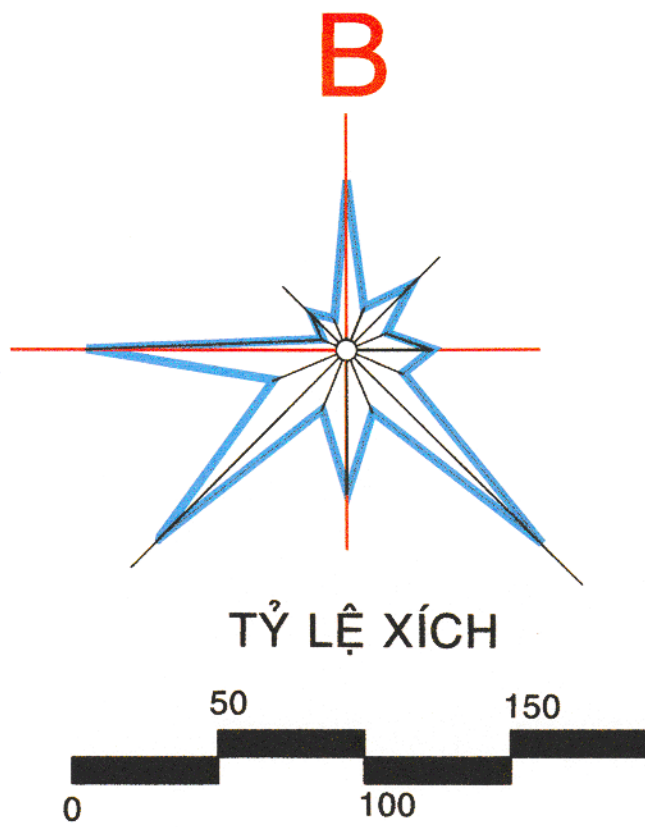


ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ ẤP 1 XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC
(THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT				
Stt	Loại đất	Diện Tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người
1	Đất ở	876,783	50.00	51.58
	Đất ở liền kề	720,016	41.06	
	Đất tái định cư	123,962	7.07	
	Đất ở cao tầng	32,805	1.87	
2	Đất thương mại dịch vụ	82,627	4.71	4.86
3	Đất cây xanh	138,019	7.87	8.12
	Đất công trình dịch vụ cơ bản	91,808	5.24	5.40
	Đất trường tiểu học, THCS	31,101	1.77	1.83
	Đất nhà trẻ, mẫu giáo.	13,961	0.80	0.82
5	Đất giao thông	530,145	30.23	31.18
	Đất hành lang kỹ thuật	28,550	1.63	1.68
	Đất đường HCM	5,491	0.31	0.32
	Tổng cộng	1,753,423	100.00	

KÝ HIỆU

- ĐẤT Ở NHÀ LIỀN KỀ
- ĐẤT BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ (DT : 123.962M²)
- ĐẤT NHÀ Ở CAO TẦNG
- ĐẤT NHÀ TRẺ- TRƯỜNG HỌC
- ĐẤT DỊCH VỤ CƠ BẢN
- ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
- ĐẤT CÂY XANH
- RANH QUI HOẠCH
- LÒNG ĐƯỜNG
- TIM ĐƯỜNG

KÍ HIỆU LỘ ĐẤT

CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)

DIỆN TÍCH (M2)

TẦNG CAO TRUNG BÌNH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / AUTHORITY

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ / Kèm theo công văn số

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TECHNICAL INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ / Kèm theo công văn số

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ / Kèm theo công văn số

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ / Kèm theo tờ trình số

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

XÃ MINH THÀNH, THỊ TRẤN CHƠN THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ : 03

GHÉP :

TỶ LỆ: 1/500

NGÀY HT: /2019

THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ

CHỦ NHIỆM

QL KỸ THUẬT

TRƯỞNG PHÒNG

2. TỔNG GIÁM ĐỐC

KTS. ĐỒNG MINH ĐAN

KTS. NGUYỄN THÁI THÌNH

KTS. VÕ THANH TUYẾN

KTS. LÊ TẤN VINH

KS. LÊ ĐĂNG KHOA

2. TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT

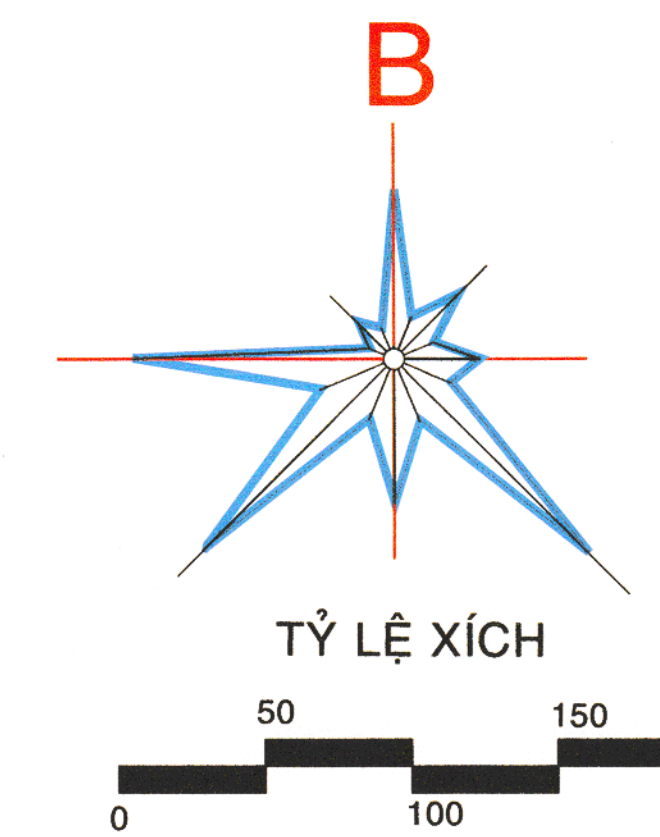
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP

BECADEX IDC

ĐỊA CHỈ SỐ 8-ĐƯỜNG HỒNG VƯƠNG, HÒA PHO, THỊ XÃ MỚI, BÌNH DƯƠNG, BIÊN THOẠI: 0274.3822855, FAX: 0274.3822713

BM-35-01-19100004

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ ẤP 1 XÃ MINH THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC
(THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC)
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG PHÂN LÔ



Đường Minh Thành - An Long

Bảng chi tiết lô đất và số tài sản									
STT	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
1	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
2	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
3	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
4	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
5	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
6	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
7	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
8	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
9	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
10	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường

Bảng chi tiết lô đất và số tài sản									
STT	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
11	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
12	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
13	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
14	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
15	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
16	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
17	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
18	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
19	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
20	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường

Bảng chi tiết lô đất và số tài sản									
STT	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
21	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
22	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
23	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
24	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
25	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
26	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
27	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
28	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
29	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường
30	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường	Đường

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT
CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG
TỶ LỆ (%)
TẦNG CAO TRUNG BÌNH

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT / AUTHORITY
KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ 34.05 NGÀY 15/05/2019 THÁNG 05 NĂM 2019
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TECHNICAL INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ 14302 NGÀY 15/05/2019 THÁNG 05 NĂM 2019
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VẤN SỐ 14302 NGÀY 15/05/2019 THÁNG 05 NĂM 2019
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 14302 NGÀY 15/05/2019 THÁNG 05 NĂM 2019
CÔNG TRÌNH-DIÁ ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ ẤP 1
XÃ MINH THÀNH, THỊ TRẤN CHƠN THÀNH - HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG PHÂN LÔ
BẢN VẼ : 03 GHIẾP : TỶ LỆ : 1/500 NGÀY HT : /2019
THIẾT KẾ : KTS. ĐỒNG MINH ĐAN
CHỦ TRÌ : KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH
CHỦ NHIỆM : KTS. VÕ THANH TUYẾN
QL KỸ THUẬT : KTS. LÊ TẤN VINH
TRƯỞNG PHÒNG : KS. LÊ ĐĂNG KHOA
TỔNG GIÁM ĐỐC :
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 ĐƯỜNG HỒNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ ĐẦU MŨI, BÌNH DƯƠNG, ĐIỆN THOẠI: 0274.3822655, FAX: 0274.3822719

KÝ HIỆU
ĐẤT BỐ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ
DT : 123.962M²



Số: ~~3493~~/QĐ-UBND

Chơn Thành, ngày 06 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư ấp 1 thuộc dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex – Bình Phước.

223
CÔNG VĂN BẢN
Ngày 06 Tháng 11 Năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/04/2015 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh chính quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex – Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Dân cư Ấp 1 xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 258/TTr-KT&HT ngày 06/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư ấp 1 thuộc dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex-Bình Phước, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh.

a. Thay đổi hướng tiếp giáp một số thửa đất tại lô AM18; AM31; AM32.

- Điều chỉnh thửa đất có mặt tiếp giáp với đường D2.

- Việc điều chỉnh các lô đất này làm giảm diện tích đất ở ($180m^2$) và tăng diện tích đất hạ tầng ($180m^2$).

(Có bảng tổng hợp sau phân lô sau điều chỉnh kèm theo – Phụ lục 01)

b. Điều chỉnh tên khu dân cư Ấp 1 thành khu tái định cư – dân cư Ấp 1.

c. Xác định cụm vị trí bố trí đất tái định cư tại khu dân cư Ấp 1: *(Có bảng tổng hợp kèm theo – Phụ lục 02).*

2. Lý do điều chỉnh:

- Thay đổi hướng tiếp giáp một số thửa đất tại lô AM18; AM31, AM32 cho phù hợp với nhu cầu thực tế (Lô đất giáp đường lớn thì quay mặt ra đường lớn).

- Xác định cụm vị trí bố trí đất tái định cư tại khu dân cư Ấp 1.

- Điều chỉnh tên gọi của Khu dân cư ấp 1

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh nêu trên, các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu dân cư Ấp 1 trên địa bàn xã Minh Thành thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex – Bình Phước

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước; Chủ tịch UBND xã Minh Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Như điều 3;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng (8b);
- LĐVP; CV: KT, KTN;
- Lưu: VT.



Nguyễn Như Tuấn

Phụ lục 01:
Bảng tổng hợp phân lô AM18, AM31, AM32 sau điều chỉnh
 (Kèm theo Quyết định số 3493 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019
 của UBND huyện Chơn Thành)

Ký hiệu		Số lượng	Kích thước (m)		Dạng ô có cạnh không vuông	Diện tích (m ²)			Lô	Tổng	
Lô	Ô		Rộng	Dài		1 Ô	Tổng ô	Số ô			
AM18	1	1	11	30	X	317.50	317.5	12,946	82		
	2->36	35	5	30		150.00	5250.0				
	37	1	11	30	X	305.50	305.0				
	38->72	35	5	30		150.00	5250.0				
	73	1	11	30	X	305.38	305.4				
	74->81	8	5	30		150	1200.0				
AM31	82	1	12	30	X	317.50	317.5	12,970	82		
	1	1	11	30	X	317.50	317.5				
	2->9	8	5	30		150.00	1200.0				
	10	1	11	30	X	317.60	317.6				
	11->45	35	5	30		150.00	5250.0				
	46	1	11	30	X	317.60	317.5				
AM32	47->81	35	5	30		150.00	5250.0	12,958	82		
	82	1	11	30	X	317.50	317.5				
	1	1	11	30	X	317.50	317.5				
	2->9	8	5	30		150.00	1200.0				
	10	1	11	30	X	317.38	317.4				
	11->45	35	5	30		150.00	5250.0				
	56	1	11	30	X	317.50	315.5				
	57->81	35	5	30		150.00	5250.0				
	82	1	11	30	X	305.50	305.5				



Phụ lục 02:

Bảng tổng hợp Lô đất bố trí Tái định cư

(Kèm theo Quyết định số 3493 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2019
của UBND huyện Chơn Thành)

Ký hiệu		Số lượng		Kích thước (m)		Dạng ô có cạnh không vuông	Diện tích (m ²)			Tổng
Lô	Ô	Ô	Ô	Rộng	Dài		1 Ô	Tổng ô	Lô	Số ô
AM 18	1	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
	2->36	35		5	30		150.00	5250.0		
	37	1	1	11	30	X	305.50	305.5		
	38->72	35		5	30		150.00	5250.0		
	73	1	1	11	30	X	305.38	305.4		
AM 21	74->81	8		5	30		150.00	1200.0		
	82	1	1	12	30	X	317.50	317.5		
	110	1	1	5	30		150.00	150.00		
	111	1					287.50	287.5		
									437,5	2
AM 31	1	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
	2->9	8		5	30		150.00	1200.0		
	10	1	1	11	30	X	317.60	317.6		
	11->45	35		5	30		150.00	5250.0		
	46	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
AM 32	47->81	35		5	30		150.00	5250.0		
	82	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
	1	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
	2->9	8		5	30		150.00	1200.0		
	10	1	1	11	30	X	317.38	317.4		
	11->45	35		5	30		150.00	5250.0		
									12,958	82

	46	1	11	30	X	317.50	317.5		
	47->81	35	5	30		150.00	5250.0		
	82	1	11	30	X	305.50	305.5		
AM 33	63,64	2	5	30		150.00	300.0	587,50	2
	65	1			X	287.50	287.5		
AM40	1	1	12	30	X	347.50	347.5		
	2->42	41	5	30		150.00	6150.0		
	43	1	11	30	X	317.50	317.5	13,618	86
	44	1	12	30		335.50	335.5		
	45->85	41	5	30		150.00	6150.0		
	86	1	11	30	X	317.50	317.5		
	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
AM 44	2->51	50	5	30		150.00	7500.0		
	52->53	2	11	30	X	317.50	635.0	16,270	104
	54->103	50	5	30		150.00	7500.0		
	104	1	11	30	X	317.50	317.5		
	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
AM 45	2->51	50	5	30		150.00	7500.0		
	52->53	2	11	30	X	317.50	635.0	16,270	104
	54->103	50	5	30		150.00	7500.0		
	104	1	11	30	X	317.50	317.5		
	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
AM 48	2->41	40	5	30		150.00	6000.0		
	54->93	40	5	30		150.00	6000.0	12,635	82
	53	1	11	30	X	317.50	317.5		
	1	1	11	30	X	317.50	317.5		
	2->41	40	5	30		150.00	6000.0		
AM 49	54->93	40	5	30		150.00	6000.0	12,635	82
	53	1	11	30	X	317.50	317.5		



AM 50	1	1	11	30	X	317.50	317.5	12,635	82
	2->41	40	5	30		150.00	6000.0		
	54->93	40	5	30		150.00	6000.0		
	53	1	11	30	X	317.50	317.5		